

Số/No. ASD/2024/WSB

Cần Thơ, ngày 14 tháng 08 năm 2024

(Công bố thông tin Báo cáo tài chính  
riêng bán niên 2024 đã kiểm toán)

Can Tho, August 14, 2024

(Information disclosure of Audited  
Separate Financial Statements for the  
first 6 months of 2024)

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
PERIODIC DISCLOSURE OF FINANCIAL STATEMENTS**

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội  
To: *Hanoi Stock Exchange (HNX)*

Thực hiện quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty CP Bia Sài Gòn - Miền Tây thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) riêng bán niên năm 2024 đã kiểm toán với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

*Complying with the provisions of Clauses 3 and 4, Article 14 of Circular No. 96/2020/TT-BTC dated November 16<sup>th</sup>, 2020 of the Ministry of Finance guiding information disclosure on the stock market, Western - Saigon Beer Joint Stock Company would like to disclose information of Audited Separate Financial Statements for the first 6 months of 2024 with Hanoi Stock Exchange as follows:*

**1. Tên Công ty: Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**

*Name of Organization: Western – Saigon Beer Joint Stock Company*

– Mã chứng khoán: WSB

*Stock code: WSB*

– Địa chỉ: KCN Trà Nóc, P. Trà Nóc, Q. Bình Thủy, Tp. Cần Thơ, Việt Nam

*Address: Tra Noc Industrial Zone, Tra Noc Ward, Binh Thuy District, Can Tho City, Vietnam*

– Điện thoại/Tel: 02923 843 333 Fax: 02923 843 222

– Email: sabecomientay@mientay.sabeco.com.vn

**2. Nội dung thông tin công bố/ Content of information disclosure:**

– **BCTC riêng bán niên năm 2024 đã được kiểm toán / The Audited Separate Financial Statements for the first 6 months of 2024**

BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

*Separate Financial Statements (Listed organizations has no subsidiaries and superior accounting units have affiliated units);*



BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

*Consolidated Financial Statements (Listed organizations has subsidiaries)*

BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng);

*General Financial Statements (Listed organizations has an accounting unit directly under its own accounting system);*

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

*Cases in which the cause must be explained:*

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2023):

*The auditing organization expresses an opinion that is not a fully accepted opinion for financial statements (for audited financial statements in 2023)*

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có/ *Explanatory documents in case of integration:*

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2023):

*Profit after tax in the reporting period has a difference before and after the audit of 5% or more, converted from loss to profit or vice versa (for audited financial statements in 2023)*

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có/ *Explanatory documents in case of integration:*

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo có thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

*The profit after corporate income tax in the business performance statement of the reporting period change by 10% or more compared to the same period of the previous year*

Có/Yes

Không/No

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có/ *Explanatory documents in case of integration:*

Có/Yes

Không/No

Giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2024 so với cùng kỳ: Kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2024 giảm so với cùng kỳ năm trước do doanh thu bán hàng và doanh thu hoạt động tài chính giảm.

*Explaining the difference in profit after tax in the first 6 months of 2024 compared to the first 6 months of 2023: Business results in the first 6 months of 2024 decreased compared to the same period last year due to decrease in revenue and financial income.*

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

*The profit after tax in the reporting period suffered a loss, converted from profit in the same period last year to a loss in this period or vice versa:*



Có/Yes

Không/No

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có/ *Explanatory documents in case of integration:*

Có/Yes

Không/No

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 14./08/2024 tại đường dẫn: <http://www.wsb-sabeco.com.vn/vi/quan-he-co-dong.html>.

*This information was published on the company's website on August 14, 2024 at the link: <http://www.wsb-sabeco.com.vn/vi/quan-he-co-dong.html>.*

**Tài liệu đính kèm:**

- BCTC riêng bán niên năm 2024 đã được kiểm toán / *The Audited Separate Financial Statements for the first 6 months of 2024*

**Đại diện tổ chức/Representative**

Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBTT  
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

*Legal representative/Disclosure Authorization  
(Signature, full name, job position, seal)*



**Lê Đăng Khoa**



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ  
cho giai đoạn sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2024





**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**  
**Báo cáo của Ban Giám đốc**

**Giấy Chứng nhận Đăng ký  
Doanh nghiệp số**

5703000144  
1800586579

ngày 13 tháng 4 năm 2005  
ngày 27 tháng 11 năm 2023

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 1800586579 ngày 27 tháng 11 năm 2023. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Tan Teck Chuan Lester  
Bà Teoh Jie Ee  
Ông Trần Nguyên Trung  
Ông Phạm Đình Hùng  
Bà Nguyễn Thị Kim Cúc

Chủ tịch  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên

**Ban Kiểm soát**

Ông Đoàn Tiến Dũng  
Bà Trần Thị Loan Anh  
Ông Nguyễn Văn Doanh

Trưởng Ban Kiểm soát  
Thành viên  
Thành viên

**Ban Giám đốc**

Ông Lê Đăng Khoa  
Ông Lê Thành Phúc

Giám đốc  
Phó Giám đốc  
(từ ngày 1 tháng 5 năm 2024)

**Người đại diện theo  
pháp luật**

Ông Tan Teck Chuan Lester  
Ông Lê Đăng Khoa

**Trụ sở đăng ký**

Khu Công nghiệp Trà Nóc  
Phường Trà Nóc, Quận Bình Thủy  
Thành phố Cần Thơ  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

## **Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây** **Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 36 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc   
  
Lê Đăng Khoa  
Giám đốc

Thành phố Cần Thơ, ngày 12 tháng 8 năm 2024



KPMG Limited Branch  
10th Floor, Sun Wah Tower  
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward  
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam  
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

### **Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 12 tháng 8 năm 2024, được trình bày từ trang 5 đến trang 36.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về Hợp đồng Dịch vụ Soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.





## Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 24-01-00466-24-1



\_\_\_\_\_  
Trần Thị Quyên  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 4629-2023-007-1  
Phó Tổng Giám đốc

\_\_\_\_\_  
Nelson Rodriguez Casihan  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 2225-2023-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2024

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2024**

**Mẫu B 01 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2024 VND</b>	<b>1/1/2024 VND</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>366.398.349.303</b>	<b>320.770.886.343</b>
<b>Tiền</b>	<b>110</b>	<b>8</b>	<b>193.285.531</b>	<b>37.968.259</b>
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>289.089.000.000</b>	<b>237.644.000.000</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	9(a)	289.089.000.000	237.644.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>51.300.831.244</b>	<b>53.641.310.464</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	10	7.221.512.562	12.996.666.414
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		589.979.595	630.837.140
Phải thu ngắn hạn khác	136	11	43.489.339.087	40.013.806.910
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>12</b>	<b>24.821.830.046</b>	<b>28.566.774.127</b>
Hàng tồn kho	141		25.824.226.336	29.297.627.163
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.002.396.290)	(730.853.036)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>993.402.482</b>	<b>880.833.493</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		993.402.482	880.833.493

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này*

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2024 VND</b>	<b>1/1/2024 VND</b>
<b>Tài sản dài hạn</b> <b>(200 = 220 + 230 + 240 + 250 + 260)</b>	<b>200</b>		<b>365.987.694.501</b>	<b>420.459.405.968</b>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>123.443.611.427</b>	<b>141.370.773.869</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	13	123.443.611.427	141.370.773.869
Nguyên giá	222		527.350.814.062	527.350.814.062
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(403.907.202.635)	(385.980.040.193)
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>14</b>	<b>2.193.141.074</b>	<b>2.273.377.940</b>
Nguyên giá	231		4.011.843.370	4.011.843.370
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(1.818.702.296)	(1.738.465.430)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>133.631.464</b>	<b>-</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242	15	133.631.464	-
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>225.180.715.400</b>	<b>260.200.715.400</b>
Đầu tư vào công ty con	251	9(b)	200.000.000.000	200.000.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết	252	9(b)	7.000.000.000	7.000.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	9(b)	13.980.715.400	13.980.715.400
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	9(c)	4.200.000.000	39.220.000.000
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>15.036.595.136</b>	<b>16.614.538.759</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	16	13.568.599.461	14.740.383.226
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		1.467.995.675	1.874.155.533
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>732.386.043.804</b>	<b>741.230.292.311</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này




**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2024 VND</b>	<b>1/1/2024 VND</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>42.790.610.779</b>	<b>49.247.403.987</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>39.557.367.134</b>	<b>45.625.360.342</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	3.820.860.109	6.832.299.385
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.045.294	-
Thuế phải nộp Nhà nước	313	18	17.169.761.754	18.145.509.399
Phải trả người lao động	314		976.584.900	2.869.927.453
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		4.430.861.002	3.540.064.357
Phải trả ngắn hạn khác	319	19	8.387.056.714	7.975.450.262
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	20	4.771.197.361	6.262.109.486
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>3.233.243.645</b>	<b>3.622.043.645</b>
Phải trả dài hạn khác	337		49.500.000	49.500.000
Dự phòng phải trả dài hạn	342	21	3.183.743.645	3.572.543.645
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>689.595.433.025</b>	<b>691.982.888.324</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>22</b>	<b>689.595.433.025</b>	<b>691.982.888.324</b>
Vốn cổ phần	411	23	145.000.000.000	145.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		145.000.000.000	145.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	25	177.711.446.954	177.711.446.954
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		366.883.986.071	369.271.441.370
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối kỳ trước	421a		326.239.960.769	305.739.932.803
- Lợi nhuận sau thuế kỳ này/năm trước	421b		40.644.025.302	63.531.508.567
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>732.386.043.804</b>	<b>741.230.292.311</b>

Ngày 12 tháng 8 năm 2024

  
 Dương Thị Thúy Hồng  
 Người lập

  
 Trương Thị Mỹ Hồng  
 Kế toán trưởng



  
 Lê Đăng Khoa  
 Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024**

**Mẫu B 02 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>27</b>	<b>101.453.589.791</b>	<b>104.618.769.206</b>
<b>Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp</b>	<b>11</b>	<b>28</b>	<b>94.846.290.692</b>	<b>90.610.298.153</b>
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>6.607.299.099</b>	<b>14.008.471.053</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	44.837.155.944	46.461.997.953
Chi phí bán hàng	25		340.690.474	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	6.942.122.633	6.832.691.901
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 25 - 26)</b>	<b>30</b>		<b>44.161.641.936</b>	<b>53.637.777.105</b>
Thu nhập khác	31		41.266.822	525.264.822
Chi phí khác	32		203.424.220	5.463.415
<b>Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>(162.157.398)</b>	<b>519.801.407</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>43.999.484.538</b>	<b>54.157.578.512</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>51</b>	<b>32</b>	<b>1.084.108.642</b>	<b>2.870.666.553</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>52</b>	<b>32</b>	<b>406.159.858</b>	<b>212.900.192</b>
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>42.509.216.038</b>	<b>51.074.011.767</b>

Ngày 12 tháng 8 năm 2024



Dương Thị Thúy Hồng  
Người lập



Trương Thị Mỹ Hồng  
Kế toán trưởng



Lê Đăng Khoa  
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây****Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024  
(Phương pháp gián tiếp)****Mẫu B 03 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>43.999.484.538</b>	<b>54.157.578.512</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao	02		18.007.399.308	18.388.484.675
Các khoản dự phòng	03		271.543.254	(41.139.408)
Thu nhập lãi tiền gửi	05		(7.829.370.596)	(7.324.136.898)
Thu nhập từ cổ tức và lợi nhuận được phân phối	05		(37.007.784.321)	(39.137.793.786)
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>17.441.272.183</b>	<b>26.042.993.095</b>
Biến động các khoản phải thu	09		5.864.937.806	(3.827.369.943)
Biến động hàng tồn kho	10		3.473.400.827	95.963.506
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(4.828.439.976)	7.702.613.553
Biến động chi phí trả trước	12		1.059.214.776	(1.849.970.879)
			<b>23.010.385.616</b>	<b>28.164.229.332</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.554.852.677)	(1.047.809.665)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(2.976.550.534)	(4.391.462.021)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>18.478.982.405</b>	<b>22.724.957.646</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(133.631.464)	(738.647.483)
Tiền chi gửi tiền gửi có kỳ hạn	23		(112.360.000.000)	(105.287.000.000)
Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn	24		95.935.000.000	70.150.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi, lợi nhuận được phân phối và cổ tức	27		41.312.696.331	23.320.246.646
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>24.754.064.867</b>	<b>(12.555.400.837)</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này*



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

Mẫu B 03 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền chi trả cổ tức	36		(43.077.730.000)	(14.893.979.000)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính	40		(43.077.730.000)	(14.893.979.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		155.317.272	(4.724.422.191)
Tiền đầu kỳ	60		37.968.259	4.816.890.535
Tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70	8	193.285.531	92.468.344

Ngày 12 tháng 8 năm 2024



Dương Thị Thúy Hồng  
 Người lập



Trương Thị Mỹ Hồng  
 Kế toán trưởng



Lê Đăng Khoa  
 Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

## **1. Đơn vị báo cáo**

### **(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Ngày 10 tháng 8 năm 2010, cổ phiếu của Công ty được chính thức giao dịch trên thị trường giao dịch cổ phiếu của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, theo Thông báo số 694/TB-SGDHN ngày 3 tháng 8 năm 2010 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã giao dịch là WSB.

### **(b) Hoạt động chính**

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia, rượu, nước giải khát; kinh doanh chế biến nông sản để làm nguyên liệu sản xuất bia, rượu, nước giải khát; và cung cấp dịch vụ cho thuê văn phòng và kho bãi.

### **(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

### **(d) Cấu trúc Công ty**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty có 1 công ty con và 1 công ty liên kết (1/1/2024: 1 công ty con và 1 công ty liên kết), chi tiết được trình bày tại Thuyết minh 9(b).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty có 104 nhân viên (1/1/2024: 104 nhân viên).

## **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

### **(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty cũng lập và phát hành riêng lẻ báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

**(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

**(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

**3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất.

**(a) Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

**(b) Các khoản đầu tư**

**(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn và được ghi nhận theo giá gốc.



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(ii) Đầu tư vào công ty con và công ty liên kết**

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác**

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(c) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(d) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(e) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 38 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 20 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 – 8 năm
▪ thiết bị quản lý	2 – 10 năm

**(f) Bất động sản đầu tư**

**Bất động sản đầu tư cho thuê**

**Nguyên giá**

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Giám đốc Công ty. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

**Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	8 – 25 năm
--------------------------	------------



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(g) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**(h) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Chi phí đất trả trước**

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo quy định pháp luật hiện hành, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc đảm bảo cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất từ 32 đến 35 năm.

**(ii) Bao bì luân chuyển**

Bao bì luân chuyển bao gồm chai, két sử dụng trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Bao bì luân chuyển được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

**(iii) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

**(i) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

**(j) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu đồng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

***Dự phòng trợ cấp thôi việc***

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

**(k) Vốn cổ phần**

***Cổ phiếu phổ thông***

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần tiền thu được từ việc phát hành cổ phiếu vượt quá mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Các chi phí tăng thêm liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng của thuế, được ghi nhận là một khoản giảm trừ vào thặng dư vốn cổ phần.

**(l) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(m) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

**(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(iii) Thu nhập từ tiền lãi**

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(iv) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

**(n) Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời gian thuê.

**(o) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(p) Các bên liên quan**

Các bên được xem là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp, kiểm soát bên kia hay gây ảnh hưởng đáng kể đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

**(q) Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính riêng này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính trước hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty trong kỳ trước.

**4. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia. Hoạt động khác là cho thuê văn phòng và cung cấp dịch vụ kho bãi. Ban lãnh đạo cho rằng các phân khúc này không bị biến động theo mùa đáng kể.

**5. Các thay đổi trong ước tính kế toán**

Khi lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Giám đốc đã thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này.

Không có sự thay đổi trọng yếu nào trong các ước tính kế toán so với các ước tính kế toán được thực hiện trong khi lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất cũng như trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của cùng kỳ năm trước.

**6. Các thay đổi trong cơ cấu của đơn vị**

Không có sự thay đổi trọng yếu nào trong cơ cấu của Công ty kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm gần nhất có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**7. Báo cáo bộ phận**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia. Hoạt động khác là cung cấp dịch vụ cho thuê văn phòng và kho bãi. Trong kỳ, hoạt động kinh doanh khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Công ty. Theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và ngày 1 tháng 1 năm 2024 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho các kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 và ngày 30 tháng 6 năm 2023 chủ yếu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty.

Về mặt địa lý, Công ty chỉ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

**8. Tiền**

	<b>30/6/2024</b>	<b>1/1/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	40.565.400	3.047.000
Tiền gửi ngân hàng	152.720.131	34.921.259
	<hr/>	<hr/>
	193.285.531	37.968.259
	<hr/>	<hr/>

**9. Các khoản đầu tư tài chính**

**(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với kỳ hạn gốc trên ba tháng kể từ ngày gửi nhưng dưới mười hai tháng kể từ ngày báo cáo. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn này được gửi bằng VND và hưởng lãi suất từ 4,3% đến 6,0% một năm (1/1/2024: từ 4,9% đến 9,2% một năm).

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Đầu tư tài chính dài hạn**

	30/6/2024					1/1/2024				
	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Đầu tư vào:</b>										
Công ty con										
• Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn - Sóc Trăng	Không áp dụng	100%	200.000.000.000	-	(*)	Không áp dụng	100%	200.000.000.000	-	(*)
Công ty liên kết										
• Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu	2,402,400	20,00%	7.000.000.000	-	17.354.937.600	2,402,400	20,00%	7.000.000.000	-	19.416.196.800
Đơn vị khác										
• Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô	1,891,807	9,46%	13.980.715.400	-	(*)	1,891,807	9,46%	13.980.715.400	-	(*)
			<u>220.980.715.400</u>	-				<u>220.980.715.400</u>	-	

(\*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(c) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn thể hiện các khoản tiền gửi tại các ngân hàng có kỳ hạn trên 12 tháng kể từ ngày báo cáo. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn này được gửi bằng VND và được hưởng lãi suất năm là 5,0% một năm (1/1/2024: 4,9% một năm).

**10. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

**(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn**

	<b>30/6/2024</b>	<b>1/1/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	7.098.031.930	12.933.508.940
Các khách hàng khác	123.480.632	63.157.474
	7.221.512.562	12.996.666.414

**(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan**

	<b>30/6/2024</b>	<b>1/1/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công ty mẹ</b>		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	7.098.031.930	12.933.508.940
<b>Các bên liên quan</b>		
Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Sài Gòn	28.026.130	23.835.768

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi yêu cầu.

**11. Phải thu ngắn hạn khác**

	<b>30/6/2024</b>	<b>1/1/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải thu về lợi nhuận được phân phối và cổ tức được chia	35.478.534.764	32.074.648.889
Phải thu lãi tiền gửi	7.843.492.066	7.722.919.355
Phải thu khác	167.312.257	216.238.666
	43.489.339.087	40.013.806.910



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**12. Hàng tồn kho**

	<b>30/6/2024</b>		<b>1/1/2024</b>	
	<b>Giá gốc VND</b>	<b>Dự phòng VND</b>	<b>Giá gốc VND</b>	<b>Dự phòng VND</b>
Nguyên vật liệu	9.088.065.751	-	11.833.696.755	-
Công cụ, dụng cụ và phụ tùng thay thế	3.543.172.193	(1.002.396.290)	3.275.320.541	(730.853.036)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	10.271.914.786	-	11.227.419.091	-
Thành phẩm	2.921.073.606	-	2.961.190.776	-
	<b>25.824.226.336</b>	<b>(1.002.396.290)</b>	<b>29.297.627.163</b>	<b>(730.853.036)</b>

Bao gồm trong hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 có 1.002 triệu VND (1/1/2024: 731 triệu VND) phụ tùng thay thế chậm luân chuyển.

Biến động của dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ như sau:

	<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2024 VND</b>	<b>30/6/2023 VND</b>
Số dư đầu kỳ	730.853.036	965.084.592
Dự phòng trích lập trong kỳ	373.806.674	-
Dự phòng hoàn nhập trong kỳ	(102.263.420)	(41.139.408)
Số dư cuối kỳ	<b>1.002.396.290</b>	<b>923.945.184</b>

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***13. Tài sản cố định hữu hình**

	<b>Nhà cửa, vật kiến trúc VND</b>	<b>Máy móc và thiết bị VND</b>	<b>Phương tiện vận chuyển VND</b>	<b>Thiết bị quản lý VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu kỳ và số dư cuối kỳ	68.669.251.897	440.001.492.235	8.464.249.179	10.215.820.751	527.350.814.062
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu kỳ	41.780.230.391	327.237.152.042	7.267.120.795	9.695.536.965	385.980.040.193
Khấu hao trong kỳ	1.420.595.526	16.083.125.803	245.384.925	178.056.188	17.927.162.442
Số dư cuối kỳ	43.200.825.917	343.320.277.845	7.512.505.720	9.873.593.153	403.907.202.635
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu kỳ	26.889.021.506	112.764.340.193	1.197.128.384	520.283.786	141.370.773.869
Số dư cuối kỳ	25.468.425.980	96.681.214.390	951.743.459	342.227.598	123.443.611.427

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 có các tài sản cố nguyên giá là 91.525 triệu VND (1/1/2024: 81.912 triệu VND) đã được khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**14. Bất động sản đầu tư**

	<b>Nhà cửa, vật kiến trúc VND</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu kỳ và số dư cuối kỳ	4.011.843.370
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu kỳ	1.738.465.430
Khấu hao trong kỳ	80.236.866
Số dư cuối kỳ	1.818.702.296
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư đầu kỳ	2.273.377.940
Số dư cuối kỳ	2.193.141.074

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê chưa được xác định do Công ty chưa thực hiện định giá.

**15. Xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2024</b>	<b>30/6/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu kỳ	-	61.931.012
Tăng trong kỳ	133.631.464	1.000.000
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	-	(30.709.091)
Số dư cuối kỳ	133.631.464	32.221.921



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**16. Chi phí trả trước dài hạn**

	Tiền thuê đất trả trước VND	Công cụ và dụng cụ, khác VND	Bao bì luân chuyển VND	Chi phí bảo trì VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	10.226.412.703	2.573.779.462	393.097.012	1.547.094.049	14.740.383.226
Tăng trong kỳ	-	348.864.668	-	-	348.864.668
Phân loại lại từ chi phí trả trước ngắn hạn	-	115.388.890	-	-	115.388.890
Phân bổ trong kỳ	(232.737.324)	(630.196.707)	(393.097.012)	(380.006.280)	(1.636.037.323)
Số dư cuối kỳ	9.993.675.379	2.407.836.313	-	1.167.087.769	13.568.599.461

**17. Phải trả người bán ngắn hạn**

**(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn**

	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ	
	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
Công ty TNHH Chế Biến Lương Thực Trường Thắng	973.011.000	598.560.000
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	739.164.986	3.704.620.365
Công ty Cổ phần Thương mại Cửu Long	123.165.009	402.582.189
Các nhà cung cấp khác	1.985.519.114	2.126.536.831
	3.820.860.109	6.832.299.385

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Phải trả người bán là các bên liên quan**

	<b>Giá gốc/Số có khả năng trả nợ</b>	
	<b>30/6/2024</b>	<b>1/1/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công ty mẹ</b>		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	739.164.986	3.704.620.365
<b>Các bên liên quan</b>		
Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây	42.099.200	-
Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Sài Gòn	-	93.330.540

Các khoản phải trả thương mại cho các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả khi được yêu cầu.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**18. Thuế phải nộp Nhà nước**

	<b>1/1/2024 VND</b>	<b>Số phát sinh trong kỳ VND</b>	<b>Số đã nộp VND</b>	<b>Số cần trừ VND</b>	<b>30/6/2024 VND</b>
Thuế tiêu thụ đặc biệt	14.609.736.110	83.145.552.687	(86.056.319.978)	-	11.698.968.819
Thuế giá trị gia tăng	1.999.929.463	18.314.418.397	(11.336.224.131)	(4.563.867.699)	4.414.256.030
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.489.654.961	1.084.108.642	(1.554.852.677)	-	1.018.910.926
Thuế thu nhập cá nhân	46.188.865	1.381.335.826	(1.389.898.712)	-	37.625.979
Thuế khác	-	7.953.291	(7.953.291)	-	-
	<b>18.145.509.399</b>	<b>103.933.368.843</b>	<b>(100.345.248.789)</b>	<b>(4.563.867.699)</b>	<b>17.169.761.754</b>



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**19. Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>30/6/2024</b>	<b>1/1/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Cổ tức phải trả	4.996.197.808	4.573.927.808
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	495.385.510	702.173.600
Phải trả khác	2.895.473.396	2.699.348.854
	8.387.056.714	7.975.450.262

**20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông của Công ty. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2024</b>	<b>30/6/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu kỳ	6.262.109.486	6.012.408.409
Trích lập trong kỳ (Thuyết minh 22)	1.702.000.000	1.596.456.060
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 22)	(605.161.591)	1.448.250.973
Sử dụng trong kỳ	(2.587.750.534)	(4.391.462.021)
	4.771.197.361	4.665.653.421

**21. Dự phòng phải trả dài hạn**

Dự phòng phải trả dài hạn phản ánh dự phòng trợ cấp thôi việc. Biến động của dự phòng trợ cấp thôi việc trong kỳ như sau:

	<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2024</b>	<b>30/6/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu kỳ	3.572.543.645	3.572.543.645
Dự phòng sử dụng trong kỳ	(388.800.000)	-
	3.183.743.645	3.572.543.645

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***22. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	<b>Vốn cổ phần VND</b>	<b>Quỹ đầu tư phát triển VND</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2023</b>	145.000.000.000	177.711.446.954	321.632.756.418	644.344.203.372
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	51.074.011.767	51.074.011.767
Cổ tức (Thuyết minh 24)	-	-	(14.500.000.000)	(14.500.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 20)	-	-	(1.596.456.060)	(1.596.456.060)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi của năm 2022 (Thuyết minh 20)	-	-	(1.448.250.973)	(1.448.250.973)
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	(140.256.864)	(140.256.864)
Điều chỉnh quỹ công tác xã hội của năm 2022	-	-	55.427.358	55.427.358
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2023</b>	145.000.000.000	177.711.446.954	355.077.231.646	677.788.678.600
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	30.430.922.653	30.430.922.653
Cổ tức (Thuyết minh 24)	-	-	(14.500.000.000)	(14.500.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(1.596.456.065)	(1.596.456.065)
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	(140.256.864)	(140.256.864)
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2024</b>	145.000.000.000	177.711.446.954	369.271.441.370	691.982.888.324
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	42.509.216.038	42.509.216.038
Cổ tức (Thuyết minh 24)	-	-	(43.500.000.000)	(43.500.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 20)	-	-	(1.702.000.000)	(1.702.000.000)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi của năm 2023 (Thuyết minh 20)	-	-	605.161.591	605.161.591
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	(163.190.736)	(163.190.736)
Điều chỉnh quỹ công tác xã hội của năm 2023	-	-	(136.642.192)	(136.642.192)
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2024</b>	145.000.000.000	177.711.446.954	366.883.986.071	689.595.433.025

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**23. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	<b>30/6/2024 và 1/1/2024</b>	
	<b>Số cổ phiếu</b>	<b>VND</b>
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>		
Cổ phiếu phổ thông	14.500.000	145.000.000.000
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	14.500.000	145.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Không có biến động vốn cổ phần trong các năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023.

**24. Cổ tức**

Tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên của Công ty ngày 26 tháng 3 năm 2024, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã quyết định chia cổ tức cho các cổ đông là 58.000 triệu VND (tương đương 4.000 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2023, trong đó 14.500 triệu VND đã được tạm ứng cho các cổ đông trong kỳ 2023 (2023: Công ty đã quyết định chia cổ tức cho các cổ đông là 43.500 triệu VND (tương đương 3.000 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2022, trong đó 29.000 triệu VND đã được tạm ứng cho các cổ đông trong kỳ 2022).

**25. Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập với mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**26. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**

**(a) Tài sản thuê ngoài**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	<b>30/6/2024</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2024</b> <b>VND</b>
Trong vòng một năm	848.499.965	774.644.728
Từ hai đến năm năm	1.234.278.171	1.455.368.434
Sau năm năm	3.791.870.295	3.831.125.398
	5.874.648.431	6.061.138.560

**(b) Cam kết chi tiêu vốn**

Tại ngày bảng cân đối kế toán, Công ty có các cam kết vốn sau đã được phê duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán riêng:

	<b>30/6/2024</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2024</b> <b>VND</b>
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	485.592.407	636.666.667

**(c) Tài sản nhận giữ hộ bên thứ ba**

	<b>Đơn vị</b>	<b>30/6/2024</b>	<b>1/1/2024</b>
Chai	Chai	1.535.541	1.567.261

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**27. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị thành phẩm đã bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	99.014.012.323	101.526.429.305
▪ Cho thuê kho bãi	113.326.040	-
▪ Doanh thu khác	2.326.251.428	3.092.339.901
	<hr/>	<hr/>
	101.453.589.791	104.618.769.206

**28. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Tổng giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp		
▪ Giá vốn thành phẩm đã bán	94.433.522.533	90.366.240.433
▪ Giá vốn cho thuê kho bãi	5.014.092	-
▪ Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	271.543.254	(41.139.408)
▪ Giá vốn khác	136.210.813	285.197.128
	<hr/>	<hr/>
	94.846.290.692	90.610.298.153

**29. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Cổ tức và lợi nhuận được phân phối	37.007.784.321	39.137.793.786
Lãi từ tiền gửi có kỳ hạn	7.829.370.596	7.324.136.898
Doanh thu khác	1.027	67.269
	<hr/>	<hr/>
	44.837.155.944	46.461.997.953

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**30. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Chi phí nhân viên	4.518.385.753	4.704.254.243
Chi phí dịch vụ mua ngoài	634.106.752	509.791.023
Chi phí khấu hao	183.151.458	183.151.458
Chi phí khác	1.606.478.670	1.435.495.177
	<hr/>	<hr/>
	6.942.122.633	6.832.691.901
	<hr/>	<hr/>

**31. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	55.795.118.919	50.851.289.077
Chi phí nhân công và nhân viên	14.574.080.121	15.447.380.306
Chi phí khấu hao	18.007.399.308	18.388.484.675
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.238.984.155	5.678.965.390
Chi phí khác	7.576.747.771	7.076.870.606
	<hr/>	<hr/>



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**32. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng**

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
Kỳ hiện hành	1.084.108.642	2.870.666.553
<b>Chi phí thuế thu nhập hoãn lại</b>		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	406.159.858	212.900.192
	<b>1.490.268.500</b>	<b>3.083.566.745</b>

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	43.999.484.538	54.157.578.512
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	8.799.896.908	10.831.515.702
Chi phí không được khấu trừ thuế	91.928.456	79.609.800
Thu nhập không bị tính thuế	(7.401.556.864)	(7.827.558.757)
	<b>1.490.268.500</b>	<b>3.083.566.745</b>

**(c) Thuế suất áp dụng**

Theo các điều khoản trong Luật Thuế Thu nhập Doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**33. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, trong kỳ Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
<b>Công ty mẹ</b>		
<b>Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn</b>		
Bán thành phẩm (bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	182.159.565.010	187.055.430.700
Mua nguyên vật liệu	40.314.212.180	39.590.025.618
Cổ tức đã trả	30.689.250.000	10.229.750.000
<b>Công ty con</b>		
<b>Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn Sóc Trăng</b>		
Phân phối lợi nhuận từ công ty con	35.806.584.321	35.789.490.286
Mua nguyên vật liệu	-	2.807.788
<b>Công ty liên kết</b>		
<b>Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu</b>		
Cổ tức công bố	1.201.200.000	2.402.400.000
Cổ tức được chia	1.201.200.000	1.201.200.000
<b>Các bên liên quan khác</b>		
<b>Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô</b>		
Cổ tức được chia	945.903.500	945.903.500
Bán nguyên vật liệu	-	33.408.000
<b>Công ty Cổ phần Thương Mại Bia Sài Gòn Sông Hậu</b>		
Mua hàng hóa	421.356.400	572.218.660
<b>Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn</b>		
Phí thuê kho	113.326.040	-
Phí sử dụng bao bì	24.809.922	32.730.213
Bán kết nhựa rỗng đã qua sử dụng	-	284.375.000
<b>Công ty Cổ phần Nước Giải khát Chương Dương</b>		
Mua hàng hóa	77.477.790	31.118.182
<b>Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây</b>		
Mua hàng hóa	74.812.000	56.368.000
<b>Công ty TNHH Cơ khí Sa Be Co</b>		
Mua máy móc, phụ tùng thay thế và dịch vụ	24.800.000	227.300.000

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày</b>	<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày</b>
	<b>30/6/2024</b>	<b>30/6/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công ty TNHH Một Thành viên Tập đoàn Bia Sài Gòn</b>		
Mua hàng hóa	121.778.560	-
<b>Hội đồng Quản trị</b>		
<i>Thù lao</i>		
Ông Tan Teck Chuan Lester	60.000.000	-
Bà Toeh Jia Ee	42.000.000	-
Ông Trần Nguyên Trung	42.000.000	45.500.000
Ông Phạm Đình Hùng	42.000.000	45.500.000
Bà Nguyễn Thị Kim Cúc	42.000.000	45.500.000
Ông Neo Gim Siong Bennett	-	65.000.000
Ông Nguyễn Văn Đồi	-	45.500.000
<b>Ban Kiểm soát</b>		
Lương, thưởng và thù lao	364.230.593	397.658.564
<b>Ban Giám đốc</b>		
Lương, thưởng và các trợ cấp khác	2.544.856.115	2.110.883.802

**34. Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2024 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023. Thông tin so sánh cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày và cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

Ngày 12 tháng 8 năm 2024



Dương Thị Thúy Hồng  
*Người lập*



Trương Thị Mỹ Hồng  
*Kế toán trưởng*



Lê Đăng Khoa  
*Giám đốc*

